

XÃ HỘI SỐ VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỐI VỚI PHÁP LUẬT VIỆT NAM

PHAN XUÂN THỦY

Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên

Nhận bài ngày 10/02/2026. Sửa chữa xong 20/03/2026. Duyệt đăng 22/03/2026.

Abstract

Drawing on international scholarship and domestic policy frameworks, this article analyzes the development of the digital society in the context of digital transformation in Vietnam. It further examines key legal issues arising in this process, including personal data protection, governance of online information, regulation of the digital economy, and oversight of emerging technologies, particularly artificial intelligence. Based on these analyses, the article proposes several directions for improving the legal framework in a flexible, coherent, and human-centered manner, with a view to supporting sustainable development in the digital society.

Keywords: Artificial intelligence (AI), digital society, digital transformation, personal data protection, Vietnamese law.

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư với sự phát triển nhanh chóng của công nghệ số đang thúc đẩy quá trình chuyển đổi sâu rộng từ xã hội truyền thống sang xã hội số (XHS). Nếu trong xã hội truyền thống, các quan hệ xã hội chủ yếu được hình thành và điều chỉnh trong không gian vật lý thì ngày nay, các tương tác xã hội ngày càng diễn ra trên môi trường số với tốc độ nhanh, phạm vi rộng và tính kết nối cao. Điều này không chỉ làm thay đổi phương thức sản xuất, giao tiếp và quản lý xã hội mà còn đặt ra những yêu cầu mới đối với vai trò của pháp luật trong việc điều chỉnh hành vi con người. Các nghiên cứu tại quốc tế khẳng định, XHS là một trạng thái phát triển của xã hội, trong đó công nghệ số được tích hợp vào mọi lĩnh vực đời sống, làm thay đổi cách thức sản xuất, giao tiếp và quản lý xã hội [5, tr. 12], [17, tr. 5]. Tại Việt Nam, khái niệm "xã hội số" được hình thành và phát triển qua nhiều văn bản chính sách trước đó, từ Quyết định số 749/QĐ-TTg năm 2020 với mục tiêu phát triển đồng bộ chính phủ số, kinh tế số và XHS và được chính thức đề cập tại Quyết định số 411/QĐ-TTg năm 2022, trong đó xác định XHS là một trong ba trụ cột của tiến trình chuyển đổi số quốc gia. Gần đây nhất, Luật Chuyển đổi số năm 2025 (có hiệu lực từ ngày 01/7/2026) định nghĩa XHS là xã hội trong đó cá nhân, tổ chức chủ yếu hoạt động, tương tác thông qua dịch vụ số, hệ thống số, nền tảng số và môi trường số [11].

Sự phát triển của các nền tảng số, trí tuệ nhân tạo (AI) và các mô hình kinh doanh dựa trên dữ liệu đã làm xuất hiện nhiều dạng thức quan hệ xã hội mới, vượt ra ngoài khuôn khổ điều chỉnh của pháp luật truyền thống. Các nghiên cứu trong nước cho thấy XHS đang làm thay đổi phương thức tương tác xã hội, đồng thời hình thành các yếu tố như công dân số và văn hóa số [8, tr. 24; 6]. Các nghiên cứu quốc tế nhìn nhận sự phát triển của XHS đặt ra hàng loạt vấn đề pháp lý như bảo vệ dữ liệu cá nhân, an ninh mạng, đạo đức công nghệ và quản lý nền tảng số, đòi hỏi pháp luật phải thích ứng theo hướng linh hoạt và liên ngành [16, tr. 163]. Trên cơ sở đó, bài viết phân tích những vấn đề pháp lý cơ bản phát sinh trong XHS và đề xuất định hướng hoàn thiện pháp luật Việt Nam nhằm bảo đảm sự phát triển bền vững, an toàn và tôn trọng quyền con người trong kỷ nguyên số.

Email: phanxuanthuybmt@gmail.com

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Đặc trưng của xã hội số

Trong bối cảnh chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ, XHS có thể được hiểu là giai đoạn phát triển trong đó các hoạt động kinh tế, xã hội và quản lý xã hội ngày càng dựa trên nền tảng công nghệ số và dữ liệu. Ở Việt Nam, quá trình này không chỉ thể hiện ở việc ứng dụng công nghệ trong từng lĩnh vực riêng lẻ mà đang dần làm thay đổi cách thức vận hành của toàn bộ đời sống xã hội. Thực tiễn triển khai chuyển đổi số tại Việt Nam cho thấy XHS đang hình thành với một số đặc trưng nổi bật. Trước hết, dữ liệu giữ vai trò trung tâm trong mọi hoạt động kinh tế - xã hội. Dữ liệu, đặc biệt là dữ liệu cá nhân ngày càng được khai thác để phục vụ quản lý nhà nước, cung cấp dịch vụ công và phát triển các mô hình kinh doanh số. Điều này đã được nhấn mạnh trong các định hướng chính sách quốc gia, khi dữ liệu được xác định là một nguồn tài nguyên quan trọng của nền kinh tế số [1]. Thứ hai, mức độ kết nối và tương tác trong xã hội ngày càng cao. Nhờ sự phổ cập của Internet và thiết bị thông minh, các cá nhân, tổ chức có thể tương tác nhanh chóng, liên tục, không bị giới hạn bởi không gian và thời gian. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tỷ lệ người dùng Internet tại Việt Nam đã tăng nhanh trong những năm gần đây, tạo nền tảng quan trọng cho sự phát triển của XHS. Thứ ba, sự phát triển của các nền tảng số và công nghệ mới như trí tuệ nhân tạo, điện toán đám mây và các dịch vụ số đang làm thay đổi phương thức tổ chức nền kinh tế. Các hoạt động kinh doanh, cung ứng dịch vụ và quản lý ngày càng được thực hiện thông qua các nền tảng trung gian, tạo ra các mô hình kinh tế mới dựa trên dữ liệu và kết nối số. Thứ tư, hành vi xã hội của con người có sự thay đổi rõ rệt. Người dân ngày càng quen với việc giao tiếp, mua sắm, học tập và tiếp cận thông tin trên môi trường số. Điều này góp phần hình thành “công dân số” với những đặc điểm mới về thói quen, nhu cầu và cách thức tham gia vào đời sống xã hội. Những đặc trưng trên vừa mở ra cơ hội thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và đổi mới sáng tạo, vừa đặt ra nhiều yêu cầu mới đối với hệ thống pháp luật. Các quan hệ xã hội phát sinh trong môi trường số thường có tính linh hoạt, phi biên giới và khó kiểm soát hơn so với môi trường truyền thống, đòi hỏi pháp luật phải có cách tiếp cận phù hợp. Thực tiễn tại Việt Nam đã cho thấy quá trình chuyển đổi số đang làm thay đổi cấu trúc kinh tế - xã hội, từ đó đặt ra yêu cầu cấp thiết phải hoàn thiện thể chế và pháp luật để thích ứng với đặc điểm của XHS [1].

2.2. Những vấn đề đặt ra đối với pháp luật Việt Nam trong xã hội số

2.2.1. Thách thức trong bảo vệ dữ liệu cá nhân và quyền riêng tư

Dữ liệu cá nhân, từ thông tin cơ bản như tên, tuổi, địa chỉ đến các dữ liệu nhạy cảm như thông tin tài chính hay sức khỏe đang trở thành yếu tố cốt lõi trong nhiều lĩnh vực. Tuy nhiên, việc xử lý lượng dữ liệu lớn như vậy cũng làm gia tăng nguy cơ lộ lọt thông tin và vi phạm quyền riêng tư. Theo các báo cáo từ Cục An toàn thông tin, 80% thông tin cá nhân lộ, lọt là do người dùng bất cẩn [12]. Ngoài ra, ý thức về bảo vệ dữ liệu cá nhân của cả người dân và doanh nghiệp còn hạn chế. Nhiều người dùng vô tư chia sẻ thông tin cá nhân trên các nền tảng trực tuyến mà không cân nhắc đến nguy cơ bị lạm dụng. Cuối cùng, việc cân bằng giữa bảo vệ dữ liệu cá nhân và khuyến khích đổi mới sáng tạo là một bài toán khó. Một khung pháp lý quá chặt chẽ có thể kìm hãm sự phát triển của các doanh nghiệp công nghệ, trong khi một khung pháp lý lỏng lẻo sẽ không đảm bảo được quyền riêng tư của người dân [15].

Quyền riêng tư và quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân mặc dù có mối liên hệ mật thiết với nhau nhưng đây là hai quyền riêng biệt. Quyền bảo vệ dữ liệu bắt nguồn từ quyền riêng tư và cả hai đều là công cụ để bảo tồn và thúc đẩy các giá trị và quyền cơ bản của con người, là cơ sở để thực hiện các quyền tự do khác, chẳng hạn như quyền tự do ngôn luận, quyền tiếp cận thông tin, quyền hội họp của công dân. Do đó, đời sống riêng tư của cá nhân được đặt ở vị trí ưu tiên và cần được bảo vệ để đảm bảo cá nhân có quyền toàn vẹn đối với đời sống chính mình [9]. Một trong những vấn đề pháp lý quan trọng nhất trong XHS là bảo vệ dữ liệu cá nhân và quyền riêng tư của công dân. Trong môi trường số, dữ liệu cá nhân được thu thập, lưu trữ và xử lý với quy mô lớn bởi nhiều tổ chức và nền tảng công nghệ khác nhau. Dữ liệu này có thể bao gồm thông tin nhận dạng cá nhân, hành vi trực tuyến, thông tin tài chính

và nhiều dữ liệu nhạy cảm khác. Sự phát triển của các công nghệ như dữ liệu lớn (big data), AI và phân tích dữ liệu đã làm gia tăng đáng kể khả năng khai thác và sử dụng dữ liệu cá nhân trong nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội. Nhiều nghiên cứu quốc tế cho rằng dữ liệu cá nhân đang trở thành một loại tài sản kinh tế quan trọng trong nền kinh tế số và đóng vai trò trung tâm trong các mô hình kinh doanh dựa trên nền tảng số [16]. Tuy nhiên, việc khai thác dữ liệu cá nhân cũng làm gia tăng nguy cơ xâm phạm quyền riêng tư nếu thiếu các cơ chế kiểm soát phù hợp. Các sự cố rò rỉ dữ liệu hoặc việc sử dụng dữ liệu cá nhân không minh bạch có thể gây ra những hậu quả nghiêm trọng đối với cá nhân và xã hội. Tại Việt Nam, vấn đề bảo vệ dữ liệu cá nhân đã được quan tâm từ sớm thông qua Bộ luật Dân sự 2005, Luật Công nghệ thông tin 2006, Luật An ninh mạng 2025,... Đặc biệt, việc ban hành Nghị định 13/2023/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 01/7/2023 đã đánh dấu bước tiến quan trọng khi lần đầu thiết lập hành lang pháp lý chuyên biệt về bảo vệ dữ liệu cá nhân, quy định các nguyên tắc xử lý dữ liệu, quyền của chủ thể dữ liệu và trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân [3]. Tiếp đó, Luật Dữ liệu 2024 tiếp tục hoàn thiện cách tiếp cận toàn diện đối với quản lý và khai thác dữ liệu. Tuy nhiên, việc thực thi pháp luật vẫn đối mặt với nhiều thách thức do tính chất xuyên biên giới của hoạt động số và sự phức tạp trong kiểm soát nguồn dữ liệu quốc tế [10]. Ngoài ra, nhận thức của người dân về quyền riêng tư và bảo vệ dữ liệu cá nhân vẫn còn hạn chế, trong khi các cơ chế giám sát và thực thi pháp luật trong lĩnh vực này vẫn đang trong quá trình hoàn thiện. Do đó, việc xây dựng một hệ thống pháp luật toàn diện và hiệu quả về bảo vệ dữ liệu cá nhân vẫn là một yêu cầu quan trọng trong quá trình phát triển XHS tại Việt Nam.

2.2.2. Quản lý thông tin và hành vi xã hội trên không gian mạng

Sự phát triển của Internet và các nền tảng mạng xã hội đã tạo ra một không gian giao tiếp mới, làm thay đổi căn bản phương thức tương tác xã hội của cá nhân và tổ chức. Trong bối cảnh XHS, các hoạt động như trao đổi thông tin, bày tỏ quan điểm, kinh doanh và giải trí ngày càng được thực hiện trên môi trường trực tuyến, qua đó không gian mạng trở thành một cấu phần thiết yếu của đời sống xã hội hiện đại. Tuy nhiên, bên cạnh những lợi ích, môi trường XHS cũng làm gia tăng nhiều hiện tượng tiêu cực như lan truyền thông tin sai lệch, tin giả, hành vi xâm phạm danh dự, nhân phẩm và các hình thức lừa đảo trực tuyến. Theo nghiên cứu của Claire Wardle và Hossein Derakhshan, sự lan truyền của thông tin sai lệch trên mạng xã hội có thể làm suy giảm niềm tin công chúng và gây ra những hệ lụy đáng kể đối với trật tự xã hội [4]. Tại Việt Nam, các nghiên cứu gần đây cũng chỉ ra rằng việc quản lý thông tin trên không gian mạng đang đối mặt với nhiều thách thức mới, xuất phát từ tốc độ lan truyền nhanh của thông tin, tính ẩn danh của người dùng và sự phát triển của các nền tảng xuyên biên giới. Nghiên cứu của Trần Phương Thảo (2024) cho thấy các cơ chế pháp lý hiện hành vẫn chủ yếu dựa trên các công cụ truyền thống và chưa theo kịp sự biến đổi của môi trường số, đặc biệt trong việc xử lý thông tin vi phạm và bảo vệ quyền lợi của các chủ thể liên quan [14].

Về phương diện pháp lý, Việt Nam đã từng bước xây dựng khuôn khổ điều chỉnh thông qua Luật An ninh mạng 2025 và các văn bản dưới luật liên quan đến quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ Internet. Các quy định này góp phần thiết lập cơ sở pháp lý cho việc bảo đảm an ninh mạng và kiểm soát thông tin trên môi trường số. Tuy nhiên, trong thực tiễn, việc quản lý thông tin và hành vi trên không gian mạng vẫn đặt ra những thách thức phức tạp. Một mặt, Nhà nước cần triển khai các biện pháp hiệu quả nhằm ngăn chặn thông tin sai lệch và các hành vi vi phạm pháp luật. Mặt khác, việc quản lý này phải bảo đảm tôn trọng các quyền cơ bản của con người, đặc biệt là quyền tự do ngôn luận và quyền tiếp cận thông tin. Việc cân bằng giữa yêu cầu bảo đảm trật tự, an toàn xã hội và bảo vệ quyền tự do cá nhân vì vậy trở thành một trong những vấn đề trung tâm trong xây dựng và thực thi pháp luật trong XHS.

2.2.3. Những vấn đề pháp lý trong điều chỉnh hoạt động kinh tế số

Sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ số trong những năm gần đây đã thúc đẩy sự hình thành và mở rộng của nền kinh tế số tại Việt Nam. Nhiều mô hình kinh doanh mới dựa trên nền tảng số, dữ liệu và kết nối Internet đã xuất hiện và phát triển nhanh chóng. Các hoạt động quen thuộc như mua sắm trực tuyến, gọi xe công nghệ, đặt dịch vụ qua ứng dụng hay tham gia các nền tảng trung gian số đang

dẫn trở thành một phần của đời sống kinh tế hằng ngày. Những thay đổi này không chỉ tạo ra cách thức kinh doanh mới mà còn làm biến đổi phương thức tạo ra giá trị và tổ chức hoạt động sản xuất, kinh doanh trong nền kinh tế hiện đại. Các nghiên cứu trong nước gần đây chỉ ra rằng nền kinh tế số đang tăng trưởng nhanh và thể hiện nhiều tiềm năng, song đồng thời cũng bộc lộ không ít hạn chế liên quan đến hạ tầng, thể chế và năng lực nội tại của nền kinh tế [2, tr. 6]. Bên cạnh đó, các cơ quan quản lý nhà nước cũng thừa nhận rằng việc đo lường và quản lý kinh tế số là một vấn đề mới, phức tạp và chưa có phương pháp thống nhất, do đặc điểm liên ngành và tính phi vật chất của các hoạt động kinh tế số [13]. Trong bối cảnh đó, hệ thống pháp luật hiện hành đang đứng trước nhiều thách thức. Trước hết, vấn đề quản lý thuế đối với các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ số, đặc biệt là các nền tảng xuyên biên giới, vẫn còn nhiều khó khăn do thiếu sự hiện diện thương mại truyền thống và khó xác định địa điểm phát sinh nghĩa vụ thuế. Thứ hai, các mô hình kinh tế nền tảng đặt ra những vấn đề mới về quan hệ lao động, khi nhiều người tham gia được xác định là “đối tác độc lập” thay vì người lao động theo nghĩa truyền thống, dẫn đến khoảng trống trong bảo đảm quyền lợi lao động. Ngoài ra, sự phát triển của các nền tảng số cũng làm gia tăng rủi ro đối với người tiêu dùng và cạnh tranh thị trường. Việc tập trung dữ liệu và quyền lực thị trường vào một số nền tảng lớn có thể tạo ra những hành vi cạnh tranh không lành mạnh hoặc lạm dụng vị trí thống lĩnh, trong khi các quy định pháp luật hiện hành vẫn chưa theo kịp để điều chỉnh hiệu quả các hiện tượng này. Những vấn đề trên cho thấy yêu cầu cấp thiết phải hoàn thiện pháp luật theo hướng linh hoạt, thích ứng với đặc thù của nền kinh tế số, đồng thời tăng cường phối hợp giữa các lĩnh vực pháp luật như thuế, lao động, cạnh tranh và bảo vệ người tiêu dùng nhằm bảo đảm sự phát triển bền vững của nền kinh tế trong bối cảnh chuyển đổi số.

2.2.4. Thách thức pháp lý từ sự phát triển của trí tuệ nhân tạo và công nghệ mới

Trong những năm gần đây, các công nghệ mới như AI, blockchain hay Internet vạn vật (IoT) phát triển rất nhanh và đang dần đi vào nhiều lĩnh vực của đời sống. Từ sản xuất, kinh doanh đến dịch vụ công, giáo dục hay y tế, các công nghệ này giúp nâng cao hiệu quả và mở ra nhiều cơ hội mới. Tuy nhiên, đi cùng với đó là không ít vấn đề pháp lý cần được quan tâm. Một trong những vấn đề đáng chú ý là xác định trách nhiệm khi AI gây ra thiệt hại. Trong thực tế, nhiều hệ thống AI có thể tự động đưa ra quyết định mà không có sự can thiệp trực tiếp của con người. Khi xảy ra sai sót hoặc để lại hậu quả tiêu cực, việc xác định trách nhiệm thuộc về ai, do nhà phát triển, nhà cung cấp hay người sử dụng, trên thực tế không hề đơn giản. Đây là khoảng trống mà pháp luật hiện hành quốc tế nói chung, Việt Nam nói riêng chưa theo kịp. Bên cạnh đó, việc ứng dụng AI trong các lĩnh vực như tuyển dụng, chấm điểm tín dụng hay quản lý xã hội cũng tiềm ẩn nguy cơ thiếu công bằng. Nguyên nhân là cách thức xử lý thông tin của AI thường được xây dựng dựa trên dữ liệu quá khứ. Nếu dữ liệu này có sẵn sự thiên lệch, hệ thống AI có thể vô tình lặp lại hoặc thậm chí làm trầm trọng thêm những bất bình đẳng vốn có, chẳng hạn như phân biệt theo giới tính, độ tuổi hoặc điều kiện kinh tế - xã hội. Theo Luciano Floridi và các cộng sự (2018), để hướng tới một “xã hội AI tốt đẹp”, các hệ thống AI cần tuân thủ những nguyên tắc cơ bản như không gây hại, bảo đảm công bằng và đặc biệt là có thể giải thích được. Điều này có nghĩa là các quyết định do AI đưa ra cần được làm rõ và kiểm chứng, nhằm bảo đảm trách nhiệm giải trình [7, tr. 689]. Dễ thấy, pháp luật ở Việt Nam hiện nay đứng trước thách thức không chỉ dừng lại ở việc kiểm soát cách sử dụng AI mà còn hướng tới việc quản lý toàn bộ quá trình từ thiết kế, xây dựng đến triển khai và vận hành hệ thống. Do đó, việc xây dựng các quy định về minh bạch trong xử lý dữ liệu, kiểm soát dữ liệu, đánh giá tác động và trách nhiệm giải trình là rất cần thiết. Đây là điều kiện quan trọng để bảo đảm rằng công nghệ AI không làm gia tăng bất bình đẳng mà ngược lại góp phần thúc đẩy công bằng xã hội và bảo vệ quyền con người trong bối cảnh XHS. Trong bối cảnh đó, việc ban hành Luật Trí tuệ nhân tạo năm 2025 (có hiệu lực từ ngày 01/3/2026) được xem là bước đi quan trọng nhằm từng bước thiết lập khung pháp lý chuyên biệt cho AI, tuy nhiên việc triển khai trên thực tế vẫn đòi hỏi tiếp tục hoàn thiện các quy định cụ thể và cơ chế thực thi phù hợp với đặc thù công nghệ.

2.3. Định hướng hoàn thiện pháp luật Việt Nam trong bối cảnh xã hội số

Trong bối cảnh XHS đang phát triển nhanh chóng, việc hoàn thiện pháp luật ở Việt Nam cần được

thực hiện theo hướng chủ động, linh hoạt và có tính dự báo nhằm vừa thúc đẩy đổi mới sáng tạo, vừa kiểm soát hiệu quả các rủi ro phát sinh, cụ thể: -

Hoàn thiện khung pháp lý về dữ liệu và bảo vệ quyền riêng tư theo hướng đồng bộ, thống nhất: Dữ liệu ngày càng trở thành nguồn lực quan trọng của nền kinh tế, do đó pháp luật cần xác lập rõ các nguyên tắc về thu thập, xử lý, chia sẻ và bảo vệ dữ liệu. Việc triển khai Luật Dữ liệu 2024 và Nghị định 13/2023/NĐ-CP cần gắn với cơ chế giám sát và thực thi hiệu quả, đặc biệt trong bối cảnh dòng dữ liệu có tính xuyên biên giới ngày càng gia tăng; - Đổi mới cách tiếp cận pháp luật đối với kinh tế số: Các mô hình kinh doanh dựa trên nền tảng số và hoạt động xuyên biên giới đòi hỏi pháp luật phải linh hoạt hơn, chuyển từ quản lý theo hình thức sang quản lý theo bản chất và mức độ rủi ro. Đồng thời, cần hoàn thiện các quy định về thuế, cạnh tranh, lao động và bảo vệ người tiêu dùng trong môi trường số, bảo đảm sự công bằng giữa các chủ thể tham gia thị trường; - Tăng cường quản lý thông tin trên không gian mạng gắn với bảo vệ quyền con người. Việc kiểm soát tin giả, thông tin sai lệch và các hành vi vi phạm pháp luật cần được thực hiện song song với việc bảo đảm quyền tự do ngôn luận và quyền tiếp cận thông tin của công dân. Điều này đòi hỏi xây dựng các cơ chế pháp lý minh bạch, có kiểm soát và phù hợp với đặc thù của môi trường số; - Xây dựng khung pháp lý đối với AI và công nghệ mới theo hướng chủ động, có lộ trình. Pháp luật Việt Nam cần đặt ra các yêu cầu về minh bạch, trách nhiệm giải trình, kiểm soát rủi ro và đánh giá tác động đối với các hệ thống AI; - Nâng cao hiệu quả tổ chức thực thi pháp luật trong môi trường số. Bên cạnh việc hoàn thiện quy định cần chú trọng nâng cao năng lực của các cơ quan quản lý nhà nước, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, đồng thời tăng cường phối hợp liên ngành và hợp tác quốc tế trong quản lý không gian mạng và dữ liệu.

3. Kết luận

Xã hội số đang từng bước làm thay đổi cách người dân sống, làm việc và tương tác với nhau. Từ mua sắm, học tập đến sử dụng dịch vụ công, mọi hoạt động ngày càng gắn với môi trường số. Vì vậy, pháp luật cũng cần thay đổi để theo kịp thực tiễn này, không chỉ để quản lý mà còn để định hướng sự phát triển. Thực tiễn tại Việt Nam cho thấy, hệ thống pháp luật đã có những bước tiến quan trọng trong việc điều chỉnh các vấn đề phát sinh từ XHS, đặc biệt trong các lĩnh vực như bảo vệ dữ liệu cá nhân, an ninh mạng và kinh tế số. Tuy nhiên, vẫn tồn tại khoảng cách đáng kể giữa tốc độ phát triển của công nghệ với khả năng đáp ứng của pháp luật. Các thách thức như kiểm soát thông tin trên không gian mạng, bảo đảm quyền riêng tư, quản lý các nền tảng số hay điều chỉnh AI đang đặt ra nhiều thách thức phức tạp, đòi hỏi cách tiếp cận pháp lý mang tính liên ngành và linh hoạt hơn. Trong bối cảnh đó, việc hoàn thiện pháp luật cần được nhìn nhận không chỉ là bổ sung quy định mà là quá trình chuyển đổi tư duy từ mô hình pháp luật truyền thống sang mô hình pháp luật thích ứng với XHS. Pháp luật cần hướng tới cách tiếp cận linh hoạt, dựa trên rủi ro, đồng thời lấy con người làm trung tâm nhằm bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể trong môi trường số. Do đó, xây dựng và hoàn thiện pháp luật trong XHS là điều kiện then chốt để Việt Nam vừa tận dụng được cơ hội từ chuyển đổi số, vừa kiểm soát hiệu quả các rủi ro phát sinh. Đây cũng là nền tảng quan trọng để định hướng hành vi xã hội theo hướng tích cực, bảo đảm ổn định xã hội và thúc đẩy phát triển bền vững trong kỷ nguyên số.

Tài liệu tham khảo

[1] Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2021). *Quyết định số 3611/QĐ-BVHTTDL, ngày 31/12/2021 phê duyệt Chương trình chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.*

[2] Bùi Nhật Huy, Đỗ Diệu Hương, Phan Huy Thành (2024). *Kinh tế số Việt Nam năm 2023 và triển vọng năm 2024.* Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế, số 6 (553), tr. 3-11.

[3] Chính phủ (2023). *Nghị định số 13/2023/NĐ-CP, ngày 17/4/2023 Bảo vệ dữ liệu cá nhân, có hiệu lực từ 01/7/2023.*

[4] Claire Wardle, Hossein Derakhshan (2017). *Information disorder: Toward an interdisciplinary framework for research and policy making.* Council of Europe report DGI (2017) 09.

[5] Deborah Lupton (2014). *Digital sociology.* Routledge, London. <https://doi.org/10.4324/9781315776880>.

[6] Hoàng Minh Ngọc (2024). *Xã hội số tại Việt Nam: Thu hẹp khoảng cách giữa tiến bộ và tiềm năng*. Nguồn: <https://www.rmit.edu.vn/vi/tin-tuc/tat-ca-tin-tuc/2024/dec/xa-hoi-so-tai-viet-nam-thu-hep-khoang-cach-giua-thuc-te-va-tiem-nang>, ngày 12/12/2024.

[7] Luciano Floridi et al. (2018). *AI4People - An ethical framework for a good AI society: Opportunities, risks, principles, and recommendations*. *Minds and Machines Journal*, 28(4), pp. 689-707.

[8] Nguyễn Hữu Hoàng (2023). *Xã hội học số trong thế kỷ XXI: những vấn đề cốt yếu*. Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội: Nghiên cứu Chính sách và Quản lý, tập 39, số 4, tr. 23-38.

[9] Nguyễn Giang Trường (2024). *Thực trạng về vấn đề bảo vệ dữ liệu cá nhân, kinh nghiệm một số quốc gia, khu vực và đề xuất hoàn thiện pháp luật ở Việt Nam hiện nay*. Tạp chí Công thương, số 12.

[10] Quốc hội (2024). *Luật Dữ liệu*. Luật số 60/2024/QH15, ngày 30/11/2024, có hiệu lực từ 01/7/2025.

[11] Quốc hội (2025). *Luật Chuyển đổi số*. Luật số 148/2025/QH15, ngày 11/12/2025, có hiệu lực từ ngày 01/7/2026.

[12] Thái Nhung (2023). *80% thông tin cá nhân lộ, lọt là do người dùng bất cẩn*. Nguồn: <https://daidoanket.vn/80-thong-tin-ca-nhan-lo-lot-la-do-nguoi-dung-bat-can-10247605.html>, ngày 31/03/2023.

[13] Tổng cục Thống kê (2023). *Hội thảo đề xuất phương pháp đo lường và công bố kết quả tính thử nghiệm kinh tế số ở Việt Nam*. Nguồn: <https://www.nso.gov.vn/su-kien/2023/09/hoi-thao-de-xuat-phuong-phap-do-luong-va-cong-bo-ket-qua-tinh-thu-nghiem-kinh-te-so-o-viet-nam>, ngày 12/9/2023.

[14] Trần Phương Thảo (2024). *Bảo vệ dữ liệu cá nhân bằng tố tụng dân sự ở Việt Nam hiện nay*. Tạp chí Luật học, số 3, tr. 39-50.

[15] Văn Huy (2025). *Khung pháp lý - lá chắn dữ liệu cá nhân trong số hóa Việt Nam*. Tạp chí Phổ biến và Tham vấn pháp luật Việt Nam, số 14 (14), tháng 5.

[16] Viktor Mayer-Schönberger, Thomas Ramge (2018). *Reinventing capitalism in the age of big data*. Basic Books.

[17] Yizhang Zhao, Mingyu Wang (2023). *Digital sociology: An emerging field*. *Journal of Chinese Sociology*, 10(1), pp. 1-15. <https://doi.org/10.1186/s40711-023-00198-1>.

CHỦ SỞ HỮU HƯỞNG LỢI CỦA DOANH NGHIỆP..

Tiếp theo trang 261

3. Kết luận

Việc xác định và minh bạch hóa chủ sở hữu hưởng lợi của DN là yêu cầu tất yếu trong bối cảnh tăng cường quản trị DN, phòng chống rửa tiền và bảo đảm tính liêm chính của môi trường kinh doanh. Pháp luật Việt Nam thời gian qua đã có những bước tiến quan trọng khi từng bước ghi nhận khái niệm chủ sở hữu hưởng lợi, thiết lập nghĩa vụ kê khai, cập nhật và cung cấp thông tin, đồng thời tiệm cận hơn với các chuẩn mực quốc tế. Tuy nhiên, qua thực tiễn áp dụng cho thấy khung pháp lý hiện hành vẫn còn những hạn chế nhất định liên quan đến tiêu chí nhận diện, cơ chế truy vết đến cá nhân hưởng lợi cuối cùng, phương thức kiểm chứng thông tin, khả năng tiếp cận dữ liệu và hiệu quả chế tài bảo đảm tuân thủ. Trên cơ sở đó, việc hoàn thiện pháp luật về chủ sở hữu hưởng lợi cần được đặt trong tư duy quản lý dựa trên rủi ro, chú trọng bản chất quyền kiểm soát thực tế thay vì hình thức sở hữu, tăng cường cơ chế xác minh và liên thông dữ liệu, đồng thời thiết kế chế tài đủ mạnh và khả thi. Chỉ khi xây dựng được một cơ chế minh bạch, nhất quán và hiệu quả trong nhận diện chủ sở hữu hưởng lợi, pháp luật Việt Nam mới có thể đáp ứng yêu cầu quản lý hiện đại, góp phần lành mạnh hóa môi trường đầu tư, kinh doanh và nâng cao mức độ tin cậy của doanh nghiệp Việt Nam trong tiến trình hội nhập quốc tế.

Tài liệu tham khảo

[1] FATF (2022). *Báo cáo Các chuẩn mực quốc tế về phòng chống rửa tiền, tài trợ khủng bố và chống phổ biến vũ khí*, bản cập nhật tháng 3.

[2] Nội chính (2023). *Kinh nghiệm quốc tế về minh bạch chủ sở hữu hưởng lợi*. Tạp chí Pháp lý, số 3, tr. 20.

[3] Nguyễn Linh (2025). *Chủ sở hữu hưởng lợi dưới góc nhìn pháp lý và phòng, chống rửa tiền*. Nguồn: <https://lsvn.vn/chu-so-huu-huong-loi-duoi-goc-nhin-phap-ly-va-phong-chong-rua-tien-a160456.html>, truy cập ngày 02/02/2026.

[4] Trần Quốc Vinh (2025). *Chủ sở hữu hưởng lợi trong doanh nghiệp: cơ sở pháp lý, tác động thực tiễn và kiến nghị hoàn thiện pháp luật*. Tạp chí Giáo dục và Xã hội, tháng 8, tr. 245.

[5] Võ Huy Hùng, Đỗ Hải Long (2023). *Cơ chế thu thập, cập nhật và lưu trữ thông tin chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp: Kinh nghiệm quốc tế và một số giải pháp trong đăng ký doanh nghiệp tại Việt Nam*. Tạp chí Kinh tế và Dự báo, số 28, tr. 70.